TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 58/2019/DS-ST Ngày: 23-9-2019 V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Đoàn Quốc Thống

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Nin – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST - DS ngày 10 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST - DS, ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng H

Địa chỉ: Số 169, phố LĐ, phường HL, quận H M, HN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sơn Tấn P – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng H huyện U M, theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Ngân hàng H (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp 13, xã KL, huyện U M, tỉnh CM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2019 và tại bản kê tính lãi ngày 23/9/2019 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng H trình bày:

Anh Nguyễn Văn T có vay tại Ngân hàng H phòng giao dịch huyện U Minh cụ thể như sau:

Gói vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn vào ngày 04/4/2013, số tiền gốc là 4.000.000 đồng, lãi suất vay 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,70%/tháng, hạn trả vào ngày 04/4/2018 nhưng đến hạn trả anh T không trả, gói vay này tính đến ngày 23/9/2019 tiền gốc là 4.000.000 đồng và lãi suất là 1.059.408 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 5.059.408 đồng.

Gói vay hộ nghèo về nhà ở vào ngày 13/10/2010, số tiền gốc là 6.600.000 đồng, lãi suất vay 0,25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,325%/tháng, phương thức trả tiền vay theo định kỳ 6 tháng 1 lần và đã gia hạn nợ, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 13/10/2020 nhưng do anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ định kỳ theo hợp đồng, anh T đã vi phạm hợp đồng vay, gói vay này tính đến ngày 23/9/2019 tiền gốc là 6.600.000 đồng và lãi suất là 1.299.588 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 7.899.588 đồng.

Gói vay Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn vào ngày 28/3/2014, số tiền gốc là 10.000.000 đồng, lãi suất vay 0,8%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,30%/tháng, phương thức trả tiền vay theo định kỳ 6 tháng 1 lần và đã gia hạn nợ, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 12/01/2020 nhưng do anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ định kỳ theo hợp đồng, anh T đã vi phạm hợp đồng vay, gói vay này tính đến ngày 23/9/2019 tiền gốc là 10.000.000 đồng và lãi suất là 3.133.979 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 13.133.979 đồng.

Ngân hàng H yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả tiền gốc và lãi suất của 3 khoản vay với số tiền gốc là 20.600.000 đồng và lãi suất là 5.492.975 đồng, tổng cộng là 26.092.975 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định; việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết đề nghị áp dụng các Điều 463, 464, 466, 468, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng

H, buộc anh Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng H số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 23/9/2019 là 26.092.975 đồng và lãi phát sinh sau ngày 23/9/2019 đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T, địa chỉ cư trú ấp 13, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, trả tiền vay, xét đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, riêng anh Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt Ngân hàng H và anh T theo khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Ngân hàng H xác định anh Nguyễn Văn T vay của Ngân hàng 3 gói vay: Gói vay thứ nhất, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn vào ngày 04/4/2013, số tiền gốc là 4.000.000 đồng; Gói vay thứ hai, hộ nghèo về nhà ở vào ngày 13/10/2010, số tiền gốc là 6.600.000 đồng; Gói vay thứ ba, Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn vào ngày 28/3/2014, số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc vay là 20.600.000 đồng. Xét thấy trong quá trình vay anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn và thanh toán nợ định kỳ cho Ngân hàng. Tòa án có thông báo thụ lý cho anh T, anh T trực tiếp nhận nhưng anh T không có ý kiến gì về yêu cầu của Ngân hàng và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa sơ thẩm không rõ lý do. Từ đó cho thấy mặt nhiên anh T đã thừa nhận nợ đối với Ngân hàng H nên yêu cầu của Ngân hàng H là có căn cứ nên chấp nhận, buộc anh T có nghĩa vụ trả tiền vay cho Ngân hàng H số tiền gốc là 20.600.000 đồng.

Về lãi suất: Tính đến ngày 23/9/2019 đối với gói vay thứ nhất số tiền lãi là 1.059.408 đồng; gói tiền vay thứ hai lãi suất là 1.299.588 đồng và gói vay thứ ba là 3.133.979 đồng, tổng cộng là 5.492.975 đồng. Nhận thấy, Ngân hàng yêu cầu anh T trả lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Do đó, buộc anh Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng H số tiền gốc là 20.600.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 23/9/2019 với số tiền là 5.492.975 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 26.092.975 (Hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi lăm) đồng và lãi phát sinh sau ngày

23/9/2019 theo hợp đồng vay giữa Ngân hàng H với anh Nguyễn Văn T, cho đến khi anh T trả dứt điểm tiền vay.

[4] Về án phí:

- Ngân hàng H không phải chịu án phí, Ngân hàng được miễn nộp tạm ứng án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Nguyễn Văn T phải chịu trên số tiền phải trả cho Ngân hàng H là 26.092.975 đồng x 5% = 1.304.648 (Một triệu ba trăm lẽ bốn nghìn sáu trăm bốn mươi tám) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng H về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả tiền vay. Buộc anh Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng H số tiền gốc là 20.600.000 và tiền lãi tính đến ngày 23/9/2019 là 5.492.975 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 26.092.975 (Hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi lăm) đồng và lãi phát sinh sau ngày 23/9/2019 theo hợp đồng vay giữa Ngân hàng H với anh Nguyễn Văn T, cho đến khi anh T trả dứt điểm tiền vay.

- Về án phí:

+ Ngân hàng H không phải chịu án phí, Ngân hàng được miễn nộp tạm ứng án phí.

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Nguyễn Văn T phải chịu với số tiền là 1.304.648 (Một triệu ba trăm lẽ bốn nghìn sáu trăm bốn mươi tám) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm Ngân hàng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Riêng anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV &THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Thanh Nguyễn